

CHƯƠNG 1: NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH

Câu 1: *Em hãy nêu đặc điểm chung của ngành động vật nguyên sinh?*

Đặc điểm chung của ngành động vật nguyên sinh là:

- + Cơ thể có kích thước hiển vi .
- + Cơ thể chỉ là 1 tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống.
- + Phần lớn dinh dưỡng là dị dưỡng.
- + Phần lớn sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi.
- + Phần lớn di chuyển bằng chân giả, lông bơi hay roi bơi hoặc tiêu giảm.

Câu 2: *Em hãy nêu vai trò của ngành động vật nguyên sinh?*

1. Có ích:

- Chỉ thị về độ sạch của môi trường nước: Trùng biến hình, trùng giày...
- Làm thức ăn cho động vật nhỏ đặc biệt là giáp xác nhỏ: Trùng biến hình, trùng roi...
- Nguyên liệu để chế giấy giáp: Trùng phóng xạ...
- Có ý nghĩa về địa chất: Trùng lỗ...

2. Có hại:

- Gây bệnh cho người: trùng kiết lị, trùng sốt rét...
- Gây bệnh cho động vật: trùng kiết lị, trùng cầu...

Câu 3: *Nêu vòng đời của trùng sốt rét? Vì sao bệnh sốt rét hay xảy ra ở miền núi? Nêu biện pháp phòng chống bệnh sốt rét?*

a. Vòng đời của trùng sốt rét:

Trùng sốt rét qua muỗi anôphen vào cơ thể người -> chui vào hồng cầu -> lấy chất dinh dưỡng từ hồng cầu và sinh sản rất nhanh -> phá huỷ hồng cầu
-> chui vào hồng cầu khác.

b. Bệnh sốt rét hay xảy ra ở miền núi vì:

- Khí hậu ở đây ẩm thấp(nhiều vùng lầy, cây cối rậm rạp...)
- Điều kiện vệ sinh ở đây không đảm bảo.

=> Có nhiều muỗi Anôphen mang mầm bệnh trùng sốt rét.

c. Biện pháp phòng chống bệnh sốt rét:

- + Vệ sinh sạch sẽ nơi ở.
- + Đi ngủ thì phải mắc màn.
- + Diệt bọ gây, muỗi...

Câu 4: *Em hãy nêu sự phát triển của trùng kiết lị? Trùng kiết lị có hại như thế nào đối với sức khỏe con người? Nêu biện pháp phòng tránh?*

a. Sự phát triển của trùng kiết lị:

- + Ngoài môi trường: Kết bào xác.
- + Theo đường ăn uống vào ruột người. ở đây trùng kiết lị chui ra khỏi bào xác bám vào thành ruột và sinh sản rất nhanh.

b. Trùng kiết lị gây ra bệnh kiết lị.

- Triệu chứng: Bệnh nhân đau bụng, đi ngoài, phân có lẫn máu và chất nhầy.

c. Biện pháp phòng tránh:

- + Vệ sinh ăn uống sạch sẽ: Ăn chín, uống sôi, rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, không ăn thức ăn ôi thiu, mốc hỏng và thức ăn sống.
- + Vệ sinh môi trường sạch sẽ.
- + Vệ sinh thân thể sạch sẽ.

CHƯƠNG 2: NGÀNH RUỘT KHOANG

Câu 5: *Nêu đặc điểm chung và vai trò của ngành ruột khoang?*

a. Đặc điểm chung:

- Cơ thể đối xứng toả tròn.
- Ruột dạng túi.
- Cấu tạo thành cơ thể gồm hai lớp tế bào.
- đều có tế bào gai để tự vệ và tấn công

b. Vai trò của ngành ruột khoang:

*** Lợi ích :**

- Tạo nên vẻ đẹp của thiên nhiên : San hô, hải quỳ, sứa...
- Có ý nghĩa sinh thái đối với biển: Sứa, san hô...
- Làm đồ trang sức, trang trí: San hô đỏ, san hô đen...
- Làm thực phẩm có giá trị: Sứa sen, sứa rô...
- Cung cấp nguyên liệu vôi cho xây dựng: San hô...
- Hoá thạch san hô góp phần nghiên cứu địa chất.

*** Tác hại :**

- Gây ngứa và độc cho con người: sứa...
- Ảnh hưởng đến giao thông đường thủy: san hô

Câu 6: *Em hãy nêu các cách sinh sản của thủy tức? So sánh sự khác nhau giữa san hô và thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi?*

a. Các hình thức sinh sản của thủy tức:

- Mọc chồi.
- Tái sinh.
- Sinh sản hữu tính.

b. Sự khác nhau trong hình thức sinh sản mọc chồi của san hô và thủy tức:

- Ở thủy tức: Chồi con khi tự kiếm được thức ăn, tách khỏi cơ thể mẹ để sống độc lập.
- Ở san hô: Cơ thể con không tách rời mà dính với cơ thể mẹ, tạo nên tập đoàn san hô có khoang ruột thông với nhau.

CHƯƠNG 3: CÁC NGÀNH GIUN

Câu 7: *Em hãy nêu vòng đời của sán lá gan? Vì sao trâu, bò nước ta mắc bệnh sán lá gan?*

a. Vòng đời của sán lá gan:

- Sán lá gan (ở gan, mật trâu bò) đẻ trứng.
- Trứng gặp nước phát triển thành ấu trùng có lông.
- Ấu trùng kí sinh trong ốc.
- Ấu trùng có đuôi.
- Kết kén ở cây thủy sinh.
- Trâu bò ăn phải kén sán thì kén sán phát triển thành cơ thể sán lá gan.

b. Trâu bò nước ta mắc bệnh sán lá gan nhiều vì:

+ Vì thức ăn của trâu bò là cây cỏ thủy sinh có chứa nhiều kén sán.

Câu 8: Tác hại của giun đũa đối với sức khỏe con người? Nêu các biện pháp phòng chống giun đũa kí sinh ở người?

a. Tác hại của giun đũa:

+ Lấy tranh thức ăn của cơ thể

+ Gây tắc ruột, tắc ống mật

+ Tiết độc tố gây hại cho cơ thể

+ Người mắc bệnh giun đũa là một ổ phát tán bệnh cho cộng đồng.

b. Biện pháp phòng chống giun đũa kí sinh ở người:

- Giữ vệ sinh ăn uống: Ăn chín uống sôi, không ăn rau sống, gỏi cá, tiết canh, rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, che đậy thức ăn bằng lồng bàn, tủ kính...

- Vệ sinh môi trường sạch sẽ:

+ Diệt trừ triệt để ruồi nhặng, vệ sinh nơi công cộng.

+ Sử dụng nhà tiêu, hố xí hợp vệ sinh

- Tẩy giun định kỳ 1-2 lần/ năm.

CHƯƠNG 4: NGÀNH THÂN MỀM

Câu 9: Nêu đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của ngành thân mềm?

* Đặc điểm chung của ngành thân mềm:

- Thân mềm không phân đốt.

- Có vỏ đá vôi (Một số loài vỏ tiêu giảm).

- Có khoang áo phát triển.

- Hệ tiêu hóa phân hóa.

- Cơ quan di chuyển thường đơn giản (Trừ mực, bạch tuộc).

* Vai trò của ngành thân mềm:

+/- Lợi ích

- Làm thực phẩm cho con người: Trai, ốc, mực...

- Có giá trị xuất khẩu: Mực, sò...

- Làm thức ăn cho động vật: Ốc sên, ốc vặn...

- Làm sạch môi trường nước: Trai sông....

- Làm đồ trang trí, trang sức: Trai (ngọc trai, vỏ trai), ốc (vỏ ốc)...

- Có giá trị về mặt địa chất: hóa thạch vỏ ốc, vỏ sò...

+/- Tác hại:

- Có hại cho cây trồng: Ốc bươu vàng, ốc sên...

- Là vật chủ trung gian truyền bệnh giun sán: Ốc gạo, ốc mút...

CHƯƠNG 5: NGÀNH CHÂN KHỚP

Câu 10: Em hãy kể tên các đại diện của lớp giáp xác? Nêu vai trò của lớp giáp xác?

a. Một số đại diện của lớp giáp xác: Một ẩm, con sun, rận nước, chân kiếm, cua đồng, cua nhện, tôm ở nhờ...

b. Vai trò của lớp giáp xác:

*Có ích:

- Là nguồn thức ăn cho cá. Ví dụ:

- Là nguồn cung cấp thực phẩm. Ví dụ:
- Là nguồn lợi xuất khẩu. Ví dụ:

*Có hại:

- Có hại cho giao thông đường thủy. Ví dụ:
- Có hại cho nghề cá. Ví dụ:
- Truyền bệnh giun sán. Ví dụ:

Câu 11: Kể tên các đại diện của lớp sâu bọ? Nêu đặc điểm chung và vai trò của lớp sâu bọ?

a. Một số đại diện của lớp sâu bọ: Chuồn chuồn, bọ ngựa, ve sầu, ong, bướm, ruồi...

b. Đặc điểm chung của lớp sâu bọ là:

- + Cơ thể có 3 phần: Đầu, ngực, bụng.
- + Phần đầu có một đôi râu, phần ngực có ba đôi chân và hai đôi cánh.
- + Hô hấp bằng hệ thống ống khí.

c. Vai trò của lớp sâu bọ:

* Có ích:

- + Làm thuốc chữa bệnh. Ví dụ:
- + Làm thực phẩm. Ví dụ:
- + Thụ phấn cho cây trồng. Ví dụ:
- + Làm thức ăn cho động vật khác. Ví dụ:
- + Diệt các sâu bọ có hại. Ví dụ:
- + Làm sạch môi trường . Ví dụ:

*Có hại:

- + Là động vật trung gian truyền bệnh. VD:
- + Gây hại cây trồng. VD:
- + Hại đồ gỗ. VD:
- + Hại cho sản xuất nông nghiệp. VD:

Câu 12: Nêu đặc điểm chung của ngành chân khớp? Trong số các đặc điểm của Chân khớp thì đặc điểm nào ảnh hưởng lớn đến sự phân bố rộng rãi của chúng và đặc điểm cấu tạo nào khiến Chân khớp đa dạng về tập tính và môi trường sống?

a. Đặc điểm chung của ngành chân khớp:

- + Phần phụ phân đốt, các đốt khớp động với nhau.
- + Vỏ cơ thể bằng kitin vừa che chở vừa làm chỗ bám cho các cơ.
- + Sự phát triển và tăng trưởng gắn liền với các lần lột xác.

* Đặc điểm của Chân khớp ảnh hưởng lớn đến sự phân bố rộng rãi của chúng là:

- + Có lớp vỏ kitin vừa là bộ xương ngoài, vừa chống bay hơi nước.
- + Chân phân đốt, khớp động làm khả năng di chuyển được linh hoạt và tăng cường.

*Đặc điểm cấu tạo khiến Chân khớp đa dạng về tập tính và môi trường sống là:

- + Các phần phụ có cấu tạo thích nghi với từng môi trường sống như: Ở nước là chân bơi, ở cạn là chân bò, ở trong đất là chân đào bới.
- + Phần phụ miệng cũng thích nghi với các thức ăn lỏng, rắn...khác nhau.
- + Não phát triển và các giác quan phát triển là cơ sở để hoàn thiện các tập tính phong phú ở sâu bọ.